

Bản án số: **90/2021/HC-ST**

Ngày: 30/3/2021

*V/v: Khiếu kiện các Quyết định  
hành chính trong lĩnh vực quản  
lý đất đai.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***  
***Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hồng Lam  
***Các Hội thẩm nhân dân:*** Bà Nguyễn Thị Minh Hà  
Bà Bạch Thị Kim Loan

***Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông Trần Công Hách - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:***  
Bà Đinh Thị Tuyết Mai – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 và 30 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội tiến hành xét xử công khai vụ án hành chính sơ thẩm đã thụ lý số 109/2020/TLST-HC ngày 31/3/2020 về việc khiếu kiện đối với các Quyết định hành chính của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội, Chủ tịch và Ủy ban nhân dân quận B trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/QĐXX-HC ngày 03/03/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 30/2021/QĐST-HC ngày 17/03/2021, giữa các đương sự:

**\* Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1966  
Địa chỉ nơi ở: TDP Y 2, phường L, quận B, Tp Hà Nội.  
Đại diện ủy quyền: 1. Ông Nguyễn Phan H, sinh năm 1951  
Địa chỉ nơi ở: Tổ dân phố T 6, phường T, quận B, Tp Hà Nội.  
2. Bà Lê Thị H, sinh năm 1994  
Địa chỉ nơi ở: xã T, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

**\* Người bị kiện:**  
1. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân Tp Hà Nội**  
Trụ sở: 79 phố Đ, phường L, quận H, thành phố Hà Nội  
Đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng Đ – Phó Chủ tịch  
2. **Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B, Tp Hà Nội**  
Trụ sở: Phố P, phường D, quận B, Tp Hà Nội  
Đại diện theo pháp luật: Ông Lưu Ngọc H – Chủ tịch

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Nguyễn Quang T** –Trung tâm phát triển quỹ đất quận B.

**3. Ủy ban nhân dân quận B, Tp Hà Nội**

Trụ sở: Phố P, phường D, quận B, Tp Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông **Lưu Ngọc H** – Chủ tịch

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông **Nguyễn Quang T** –Trung tâm phát triển quỹ đất quận B.

**\* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

**1. Ủy ban nhân dân phường L, quận B, Tp Hà Nội**

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Đoàn Mạnh H** – Phó Chủ tịch

**2. Hợp tác xã Y**

Đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn C** – Giám đốc

3. Bà **Nguyễn Thị D**, sinh năm 1968

4. Chị **Nguyễn Thị P**, sinh năm 1989

5. Chị **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1991

6. Anh **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1998

Cùng nơi ở: TDP Y 3, phường L, quận B, Tp Hà Nội.

**NỘI DUNG VỤ ÁN :**

**\* Theo đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án, Người khởi kiện trình bày như sau:**

Năm 1981, gia đình ông Nguyễn Văn M được HTX Y giao diện tích đất nông nghiệp (bao gồm đất cấy lúa, đất trồng màu khu bãi và khu sòng cao) để sản xuất theo mô hình kinh tế hộ (có xác nhận của HTX Y) với diện tích: **1315 m<sup>2</sup>**. Năm **2000**, gia đình ông Nguyễn Văn M đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với diện tích **1130 m<sup>2</sup>**, bao gồm:

- Thửa số 145(b), tờ bản đồ số 15 có diện tích: 384 m<sup>2</sup>
- Thửa số 192, tờ bản đồ số 16 có diện tích: 171 m<sup>2</sup>
- Thửa số 517, tờ bản đồ số 16 có diện tích: 240 m<sup>2</sup>
- Thửa số 222, tờ bản đồ số 16 có diện tích: 335 m<sup>2</sup>.

Diện tích còn lại **185 m<sup>2</sup>** đất nông nghiệp cũng được giao từ năm 1981 nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diện tích đất này gia đình ông Nguyễn Văn M sử dụng ổn định từ lúc nhận giao khoán đến nay và đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thuế với Nhà nước.

Ngày 11/4/2016, UBND quận B ra Quyết định số **1325/QĐ-UBND** thu hồi **124,5m<sup>2</sup>** đất nông nghiệp thuộc thửa đất số 545(a), tờ bản đồ 16 của gia đình ông Nguyễn Văn M để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội trên địa bàn phường L. Cùng ngày gia đình ông Nguyễn Văn M nhận được Quyết định số **1396/QĐ-UBND** về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho gia đình ông Nguyễn Văn M. Cụ thể:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất 124,5m<sup>2</sup> : **25.099.200 đồng**

- Bồi thường, hỗ trợ về tài sản : **24.751.369 đồng**

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ theo phương án bồi thường là: **49.850.569 đồng**. Số tiền này gia đình ông Nguyễn Văn M đến nay chưa nhận.

Không đồng ý với phương án bồi thường, hỗ trợ nên ông Nguyễn Văn M đã làm đơn khiếu nại gửi đến Chủ tịch UBND quận B, thành phố Hà Nội.

Ngày 29/7/2016, gia đình ông Nguyễn Văn M nhận được Quyết định số **3107/QĐ-UBND** của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn M. Nội dung quyết định này là giữ nguyên Quyết định số **1325/QĐ-UBND** ngày 11/4/2016 và Quyết định số **1396/QĐ-UBND** ngày 11/4/2016 về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho gia đình ông Nguyễn Văn M.

Sau khi nhận được Quyết định giải quyết khiếu nại số **3107/QĐ-UBND** ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B, gia đình đã làm đơn khiếu nại đến Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội.

Ngày 05/7/2019, sau gần 3 năm, gia đình ông Nguyễn Văn M mới nhận được Quyết định số **6897/QĐ-UBND** đề ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại của gia đình ông Nguyễn Văn M. Nội dung quyết định này là đồng ý Quyết định **3107/QĐ-UBND** ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết khiếu nại của gia đình ông Nguyễn Văn M.

Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại, ông Nguyễn Văn M khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội hủy các quyết định:

+ Quyết định số **1396/QĐ-UBND** ngày 11/4/2016 của UBND quận B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết

+ Quyết định số **3107/QĐ-UBND** ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu

+ Quyết định số **6897/QĐ-UBND** ngày 15/12/2016 của Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại lần hai

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân quận B ra quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho gia đình ông Nguyễn Văn M số tiền **161.496.655 đồng**.

**\*Người bị kiện là Chủ tịch và Ủy ban nhân dân quận B trình bày:**

Đối với yêu cầu khởi kiện, Chủ tịch và Ủy ban nhân dân quận B giữ nguyên các Quyết định hành chính đã ban hành đối với ông Nguyễn Văn M. Bởi vì :

- Về Hồ sơ pháp lý thực hiện dự án:

Ngày 04/5/2007, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 1742/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ cho TTPTQĐ GPMB theo quy hoạch tạo quỹ đất sạch của dự án Xây dựng cơ sở hạ tầng Khu công nghệ Hà Nội.

Ngày 02/11/2007, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 4356/QĐ-UBND về việc giao nhiệm vụ cho Ủy ban nhân dân huyện Từ Liêm (TTPTQĐ huyện Từ Liêm) GPMB theo quy hoạch tạo quỹ đất sạch của dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.

Ngày 10/12/2007, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 4918/QĐ-UBND về việc phê duyệt nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án GPMB tạo quỹ đất để xây dựng Dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.

Ngày 23/4/2008, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 1462/QĐ-UBND về việc thu hồi 2.036.618m<sup>2</sup> đất tại các xã: T, L, Thụy Phương, Minh Khai và Cổ Nhuế, huyện Từ Liêm; giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất huyện Từ Liêm (thuộc UBND huyện Từ Liêm) để tổ chức bồi thường, hỗ trợ và tái định cư theo quy hoạch tạo quỹ đất sạch chuẩn bị thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.

Ngày 03/12/2008, UBND thành phố Hà Nội ban hành quyết định số 2385/QĐ-UBND về việc phê duyệt nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư dự án Đầu tư xây dựng mở rộng nghĩa trang xã Minh Khai, huyện Từ Liêm để phục vụ GPMB dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.

Hồ sơ định vị ranh giới thửa đất (phục vụ cho công tác BTHT&TĐC) ngày 23/5/2008 dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.

Ngày 02/12/2014, Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội đã có Nghị quyết số 06/2014/NQ-HĐND về việc thông qua danh mục các công trình, dự án thu hồi đất, danh mục dự án, công trình chuyên mục đích đất trồng lúa, rừng phòng hộ năm 2015 trên địa bàn Thành phố (trong đó có dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội).

Ngày 29/01/2015, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định số 443/QĐ-UBND về việc phê duyệt Kế hoạch sử dụng đất năm 2015 quận B (trong đó có dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội).

- Về quá trình sử dụng đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn M:

Khu xứ đồng Sóng cao thuộc thôn Y xã L, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (nay là TDP Y, phường L, quận B, thành phố Hà Nội). Tại thời điểm giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của Chính phủ, khu đất trên thuộc quỹ đất nông nghiệp được đưa vào để giao đất nông nghiệp cho các hộ gia đình, cá nhân. Tuy nhiên, Hợp tác xã Y có 02 đội sử dụng diện tích đất ngoài bãi sông Hồng và 01 đội sử dụng đất trong đồng (Khu sóng cao), các hộ ý kiến nếu cấp sổ đỏ trong khu sóng cao thì phải cấp sổ cho cả khu ngoài bãi sông. Do đó, Hợp tác xã Y trước đây đã thống nhất để lại không giao diện tích đất Khu xứ đồng Sóng Cao.

UBND xã L trước đây thực hiện việc giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của Chính phủ theo hình thức bình quân nhân khẩu trên cơ sở hiện trạng sử dụng đất của các hộ sử dụng từ khoán 10, khoán 100 và cân đối diện tích hộ thừa cho hộ thiếu. Nhưng khi triển khai việc giao đất nông nghiệp đã không thực hiện được việc cân đối giữa các hộ sử dụng thừa và thiếu so với phương án cho các hộ gia đình, cá nhân. Dẫn đến hiện nay tại phường L vẫn đang sử dụng tồn tại các hộ dân sử dụng thừa và các hộ dân sử dụng thiếu so với phương án.

Diện tích đất thuộc khu xứ đồng Sóng Cao không được thống kê vào hiện trạng sử dụng đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn M tại Phương án giao đất nông nghiệp chi tiết và được xác định là đất nông nghiệp không giao do UBND xã quản lý. Theo phương án giao đất nông nghiệp theo Nghị định 64/CP của UBND xã L (nay là

UBND phường L), hộ gia đình ông Nguyễn Văn M có 05 nhân khẩu, được giao 1.290m<sup>2</sup> đất nông nghiệp, hộ gia đình hiện đang sử dụng 1.315m<sup>2</sup> đất. Trên thực tế hộ gia đình ông M mới được cấp GCN-QSD: 1.130m<sup>2</sup> đất nông nghiệp (gồm thửa 192 tờ bản đồ 16, diện tích 171m<sup>2</sup>, thửa 222 tờ bản đồ 16, diện tích 335m<sup>2</sup>, thửa 517 tờ bản đồ 16, diện tích 240m<sup>2</sup> và thửa 145(b), tờ bản đồ 15, diện tích 384m<sup>2</sup>), so với hạn mức nhân khẩu trong phương án giao đất thiếu 160m<sup>2</sup>.

Hộ gia đình ông Nguyễn Văn M không thực hiện việc kê khai đề nghị giao đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất đang sử dụng tại Xứ đồng Sông Cao và cũng không có khiếu nại, ý kiến về việc giao đất của UBND xã L, UBND huyện Từ Liêm trước đây. Do Hội đồng giao đất nông nghiệp xã L không lập phương án giao đất tại khu xứ đồng Sông Cao và hộ gia đình ông Nguyễn Văn M không kê khai đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên UBND huyện Từ Liêm trước đây không xem xét việc giao đất, cấp GCN-QSDĐ cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn M đang sử dụng đất tại khu vực này. Hộ gia đình ông Nguyễn Văn M vẫn sử dụng ổn định vào mục đích sản xuất nông nghiệp tại Khu Sòng cao từ thời điểm khoán 10, khoán 100 đến nay. UBND xã L, UBND huyện Từ Liêm trước đây không thực hiện việc thu hồi đất lại diện tích đất nông nghiệp không giao cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn M tại khu xứ đồng Sông Cao để quản lý theo quy định và cũng không ký hợp đồng thuê đất đối với các hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất.

Diện tích 124,5m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 545A, tờ bản đồ số 16 (Bản đồ đo năm 1994 xã L nay là phường L) do hộ gia đình ông Nguyễn Văn M đang sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học là đất nông nghiệp không giao do UBND phường L quản lý (không thuộc diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình được giao theo Nghị định 64/CP).

- Việc thu hồi đất và lập phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn M:

Ngày 06/6/2008, Tổ công tác GPMB dự án có Biên bản điều tra, xác minh về đất thu hồi và tài sản trên đất đã ghi nhận: Chủ sử dụng đất là UBND xã L, chủ tài sản là hộ gia đình ông Nguyễn Văn M đang sử dụng tài sản trên diện tích 185m<sup>2</sup> đất, thuộc thửa số 545A, tờ bản đồ số 16 (Bản đồ đo vẽ năm 1994 xã L nay là phường L). Trong đó: diện tích 124,5m<sup>2</sup> đất bị thu hồi tại dự án: Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội, còn lại diện tích 60,5m<sup>2</sup> đất ngoài chỉ giới thu hồi.

Ngày 24/9/2008, UBND xã L đã có Biên bản rà soát về tài sản gắn liền trên đất đối với gia đình ông Nguyễn Văn M nằm trong chỉ giới thu hồi đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội tại thôn Y, xã L, huyện Từ Liêm;

Ngày 10/10/2008, UBND xã L (nay là UBND phường L) có xác nhận về đất và tài sản gắn liền trên đất nằm trong chỉ giới thu hồi đất phục vụ công tác giải phóng mặt bằng thực hiện dự án: Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội đối với gia đình ông Nguyễn Văn M với nội dung: Chủ sử dụng đất UBND xã L, chủ sử dụng tài sản trên đất ông Nguyễn Văn M.



Ngày 04/5/2015, UBND phường L đã có xác nhận bổ sung về thời điểm sử dụng đất **thửa đất số 545A, tờ bản đồ số 16, diện tích 124,5m<sup>2</sup>**, gia đình **ông Nguyễn Văn M** sử dụng trước ngày 01/7/2004.

Ngày 04/6/2015, UBND phường L đã có xác nhận bổ sung về thời điểm xây dựng công trình trên đất đối với gia đình **ông Nguyễn Văn M** trước ngày 15/10/1993 và từ sau ngày 01/7/2004 đến trước 01/7/2014. Việc xây dựng công trình vật kiến trúc không hợp pháp, không có văn bản xử lý ngăn chặn.

Ngày 22/6/2015, Hội đồng bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đã ban hành thông báo số 64/TB-HĐBTHT&TĐC về việc niêm yết công khai lấy ý kiến đối với 74 dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án: Xây dựng khu công nghệ cao sinh học, trong đó có hộ gia đình ông Nguyễn Văn M.

Ngày 11/4/2016, UBND quận B đã ban hành Quyết định số **1325/QĐ-UBND** về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội với nội dung: “Thu hồi **124,5m<sup>2</sup>** đất nông nghiệp không giao do UBND phường L quản lý thuộc **thửa đất số 545A, tờ bản đồ 16**, bản đồ đo năm 1994 phường L, hiện hộ gia đình **ông Nguyễn Văn M** hộ khẩu thường trú: **Tổ dân phố Y 3, phường L, quận B đang sử dụng trước ngày 01/7/2004**”.

Ngày 11/4/2016, UBND quận B đã ban hành Quyết định số **1396/QĐ-UBND** về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình **ông Nguyễn Văn M** tại dự án với nội dung bồi thường, hỗ trợ về đất, cây trồng, vật nuôi và các công trình trên đất.

Tổng số tiền bồi thường, hỗ trợ là: **49.850.659 đồng (Bốn mươi chín triệu, tám trăm năm mươi nghìn, năm trăm sáu mươi chín đồng)**, cụ thể:

- Bồi thường, hỗ trợ về đất: **25.099.200 đồng**.
- Bồi thường, hỗ trợ về hoa màu: **15.840.000 đồng**.
- Bồi thường, hỗ trợ công trình: **8.911.369 đồng** (Trong đó: công trình xây dựng trước 15/10/1993 được hỗ trợ bằng 80% đơn giá, công trình xây dựng sau ngày 01/7/2004 được hỗ trợ bằng 10% đơn giá).
- Việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng:

Ngày 29/4/2016, UBND phường L có Biên bản bàn giao Quyết định thu hồi đất, Quyết định phê duyệt kèm theo phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết cho hộ gia đình **ông Nguyễn Văn M**.

Các ngày 21/7/2016, 18/8/2016, UBND phường L phối hợp với Chi nhánh phát triển quỹ đất B (nay là Trung tâm Phát triển quỹ đất quận B) đã tổ chức chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình **ông Nguyễn Văn M**. Tuy nhiên, hộ gia đình **ông Nguyễn Văn M** không phối hợp nhận tiền và bàn giao mặt bằng.

- Về việc giải quyết khiếu nại:

Ủy ban nhân dân quận B nhận được đơn của **ông Nguyễn Văn M**, địa chỉ: TDP Y 2, phường L, quận B về việc khiếu nại Quyết định số **1325/QĐ-UBND** và Quyết định số **1396/QĐ-UBND ngày 11/4/2016** của UBND quận B về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình **ông Nguyễn Văn M** khi

Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng Khu công nghệ cao sinh học tại phường L, quận B.

Ngày **30/5/2016**, Ủy ban nhân dân quận B ban hành Thông báo số **835/TB-UBND** về việc thụ lý giải quyết khiếu nại của **ông Nguyễn Văn M (Dung)**.

Ngày **30/5/2016**, Chủ tịch UBND quận B ban hành Quyết định số **2131/QĐ-UBND** về việc xác minh nội dung khiếu nại.

Theo phiếu xác nhận bổ sung ngày 04/6/2015 của Ủy ban nhân dân phường L, hộ gia đình **ông Nguyễn Văn M** xây dựng công trình trên diện tích đất bị thu hồi để phục vụ sản xuất nông nghiệp không có văn bản cho phép của UBND xã L; Do đó, được hỗ trợ về công trình bằng 80% mức bồi thường đơn giá đối với công trình xây dựng trước ngày 15/10/1993 và hỗ trợ 10% đối với công trình xây dựng sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 là đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 14 Quyết định 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 và Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của UBND thành phố Hà Nội.

Tuy nhiên, ngày 27/6/2016, UBND phường L có văn bản số 205/UBND-ĐC đề nghị UBND Quận xem xét bồi thường, hỗ trợ phần công trình trên đất nông nghiệp cho các hộ gia đình với nội dung: *“UBND xã L trước đây (nay là UBND phường L) tạo điều kiện cho các hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp được xây dựng một số công trình phụ trợ phục vụ sản xuất nông nghiệp không lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và trật tự xây dựng gồm các công trình: bể phân; giếng khoan; nhà lưới ni lông, khung tre; hàng rào lưới B40; tường rào xây gạch, nhà tạm để dụng cụ sản xuất nông nghiệp và trông nom tài sản”*. Như vậy, các công trình xây dựng của hộ gia đình **ông Nguyễn Văn M** phục vụ sản xuất nông nghiệp không có văn bản cho phép của UBND phường L song đã được UBND phường L tạo điều kiện cho xây dựng mà không xử lý; Do đó, cần xem xét áp dụng khoản 2 Điều 12 Quyết định 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của UBND thành phố Hà Nội để được bồi thường về công trình bằng 100% đơn giá xây dựng.

Ngày **21/7/2016**, Thanh tra Quận đã có Báo cáo số **302/BC-TTr** về việc báo cáo kết quả xác minh nội dung khiếu nại của **ông Nguyễn Văn M**, địa chỉ: Tổ dân phố Y 2, phường L, quận B.

Ngày 29/7/2016, Chủ tịch UBND quận B đã ban hành Quyết định số **3107/QĐ-UBND** về việc giải quyết khiếu nại của **ông Nguyễn Văn M**, địa chỉ: Tổ dân phố Y 2, phường L, quận B (lần đầu).

Theo đó, Chủ tịch UBND quận B giải quyết khiếu nại theo hướng:

*“- Giữ nguyên Quyết định số **1325/QĐ-UBND** ngày 11/4/2016 và Quyết định số **1396/QĐ-UBND** ngày 11/4/2016 của UBND quận B về việc thu hồi đất và phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết đối với hộ gia đình **ông Nguyễn Văn M** khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án: Xây dựng Khu công nghệ cao sinh học tại phường L, quận B.*

*- Giao Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư Quận xem xét trình UBND Quận phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình **ông***

*Nguyễn Văn M theo hướng: Bồi thường 100% đơn giá công trình xây dựng đối với các công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật.”*

Đến nay Ủy ban nhân dân quận B chưa ban hành Quyết định phê duyệt bổ sung phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ gia đình, cá nhân theo các Quyết định của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết khiếu nại (lần đầu) do các hộ gia đình, cá nhân không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại (lần đầu) của UBND quận B, tiếp tục có đơn khiếu nại (lần 2) gửi UBND thành phố Hà Nội và khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Đến nay do vụ việc đang trong quá trình Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết nên sau khi có phán quyết cuối cùng của Tòa án và được UBND thành phố Hà Nội gia hạn thời gian giải phóng mặt bằng, bố trí nguồn vốn của dự án, UBND quận B sẽ tiến hành giao Hội đồng bồi thường hỗ trợ và tái định cư dự án thực hiện điều chỉnh phương án bồi thường, hỗ trợ theo đúng quy định của Pháp luật.

Ủy ban nhân dân quận B và Chủ tịch UBND quận B giữ nguyên các quyết định hành chính và các văn bản hành chính đã ban hành đối với hộ gia đình **ông Nguyễn Văn M** khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Xây dựng Khu công nghệ cao sinh học tại phường L, quận B.

**\*Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội trình bày:**

Sau khi kiểm tra, rà soát hồ sơ giải quyết khiếu nại của **ông Nguyễn Văn M**, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội khẳng định nội dung Quyết định số 6897/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 về việc giải quyết khiếu nại là đúng quy định pháp luật. Đến nay, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội không có ý kiến khác gì với quan điểm đã thể hiện tại Quyết định số 6897/QĐ-UBND ngày 15/12/2016.

**\*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường L trình bày:** Nhất trí với các nội dung trình bày của Ủy ban nhân dân quận B.

**\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là** bà Nguyễn Thị D, chị Nguyễn Thị P, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn C thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.

**Tại phiên tòa:**

Đại diện ủy quyền của ông M sau khi trình bày tranh luận đã đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện để đảm bảo quyền và lợi ích theo đúng quy định pháp luật cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn M.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa:** Hoạt động thụ lý và tiến hành tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử là đúng quy định; đương sự đã được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng; Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính, Luật Đất đai năm 2013, Luật Khiếu nại và các văn bản pháp luật có liên quan:

- Bác đơn khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.
- Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí hành chính sơ thẩm do không được chấp nhận yêu cầu khởi kiện.



Căn cứ các tài liệu, chứng cứ thu thập có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự và những người tham gia tố tụng khác.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

### **[1] Về tố tụng:**

Đối tượng khởi kiện là các Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của ủy ban nhân dân quận B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết; Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu và Quyết định số 6897/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại lần hai đều là các quyết định hành chính được ban hành trong quá trình thực hiện thu hồi đất, giải phóng mặt bằng trong lĩnh vực quản lý đất đai, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 và Điều 30 Luật Tố tụng hành chính.

Về thời hiệu khởi kiện, Hội đồng xét xử thấy rằng ngày 15/11/2019 ông Nguyễn Văn M nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội yêu cầu hủy Quyết định số 6897/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc giải quyết khiếu nại lần hai và sau đó ông Nguyễn Văn M tiếp tục bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị hủy Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của Ủy ban nhân dân quận B về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết; Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch UBND quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu. Theo ông M trình bày mặc dù ông nộp đơn khiếu nại lần 2 từ năm 2016 và được Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết khiếu nại cùng ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 6897/QĐ-UBND từ ngày 15/12/2016, nhưng gia đình bà không nhận được Quyết định này. Ngày 22/7/2019, gia đình bà mới được giao nhận được Quyết định và ngày 15/11/2019 bà mới thực hiện được việc nộp đơn khởi kiện đến Tòa án. Ông M có xuất trình Biên bản bàn giao quyết định của Ban tiếp công dân thành phố Hà Nội ngày 22/7/2019 cho Tòa án. Trong quá trình giải quyết, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội có yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội cung cấp tài liệu chứng cứ về việc bàn giao Quyết định số 6897/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 cho ông Nguyễn Văn M nhưng không được cung cấp. Như vậy, Hội đồng xét xử xác định ngày ông Nguyễn Văn M nhận được Quyết định số 6897/QĐ-UBND là ngày 22/7/2019 để tính thời hiệu khởi kiện và căn cứ điểm a khoản 3 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính thì yêu cầu khởi kiện của ông M đảm bảo về thời hiệu.

Khi xét tính hợp pháp của các Quyết định bị khởi kiện, Hội đồng xét xử xem xét cả tính hợp pháp của Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của Ủy ban nhân dân quận B về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn M để thực hiện dự án: Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội.

Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Chủ tịch và Ủy ban nhân dân quận B nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

Tại phiên tòa, Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Chủ tịch và Ủy ban nhân dân quận B, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân phường L, Hợp tác xã Y, bà Nguyễn Thị D, chị Nguyễn Thị P, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn C đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 156 và khoản 1 Điều 158 Luật Tổ tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

## **[2] Xét tính hợp pháp của các quyết định hành chính:**

[2.1] Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành và tính hợp pháp của các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

Ủy ban nhân dân Quận B ban hành các Quyết định số 1325/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 của Ủy ban nhân dân quận B về việc thu hồi đất của hộ gia đình ông Nguyễn Văn M để thực hiện dự án: Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội và Quyết định số 1396/QĐ-UBND ngày 11/4/2016 về phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ chi tiết là đúng pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật đất đai năm 2013 và Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B ban hành Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu và Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 6897/QĐ-UBND ngày 15/12/2016 về việc giải quyết khiếu nại lần hai đối với khiếu nại của ông Nguyễn Văn M là đúng pháp luật về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành theo quy định tại Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại.

[2.2] Về nội dung của các quyết định hành chính bị khiếu kiện:

Diện tích 124,5 m<sup>2</sup> (thuộc thửa số 545(a) tờ bản đồ số 16 lập năm 1994 được Giám đốc Sở Địa chính ký xác nhận ngày 26/11/1996) hộ gia đình ông Nguyễn Văn M sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội có nguồn gốc là đất nông nghiệp, hộ gia đình ông Nguyễn Văn M sử dụng từ khoán 100, khoán 10, nhưng không nằm trong hạn mức giao đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ cho hộ gia đình ông M.

Theo phương án chi tiết giao đất nông nghiệp theo Nghị định số 64/NĐ-CP cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn M lưu tại Ủy ban nhân dân phường L thể hiện: số nhân khẩu được giao: 5 khẩu, diện tích được giao: 1130m<sup>2</sup> (bình quân 258m<sup>2</sup>/khẩu) và đã được UBND huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp.

Trên thực tế, ngoài diện tích đất nông nghiệp được giao theo Nghị định số 64/CP nêu trên, hộ gia đình ông M còn sử dụng 185m<sup>2</sup> đất nông nghiệp (bị thu hồi 124,5m<sup>2</sup> đất để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học Hà Nội) từ trước thời

điểm thực hiện giao đất theo Nghị định số 64/CP để sản xuất nông nghiệp cho đến khi Nhà nước thu hồi để thực hiện Dự án. Chính quyền địa phương không thực hiện bất kỳ biện pháp gì (thông báo, thu hồi lại, ký hợp đồng thuê thầu...) để quản lý đối với phần diện tích này.

Đối với diện tích 124,5m<sup>2</sup> hộ gia đình ông Nguyễn Văn M đang sử dụng bị thu hồi tại dự án xây dựng Khu công nghệ cao sinh học trên địa bàn phường L (thuộc thửa số 545(a) tờ bản đồ số 16 lập năm 1994 được Giám đốc Sở Địa chính ký xác nhận ngày 26/11/1996) là đất nông nghiệp không giao do Ủy ban nhân dân phường L quản lý (không thuộc diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình được giao theo Nghị định 64/NĐ-CP); Do đó, ngày 11/4/2016, UBND quận B ban hành Quyết định số 1325/QĐ-UBND về việc thu hồi 124,5m<sup>2</sup> đất nông nghiệp không giao do UBND phường L quản lý, hiện hộ gia đình ông Nguyễn Văn M đang sử dụng là đúng quy định.

Tại phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông M đã tính bồi thường về đất theo giá đất nông nghiệp là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013. Đối với yêu cầu được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất, hộ gia đình bà Lâm không thuộc đối tượng được hỗ trợ được quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và cũng không được tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều 20 Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Theo phiếu xác nhận bổ sung ngày 04/6/2015 của UBND phường L, hộ gia đình **ông Nguyễn Văn M** xây dựng công trình trên diện tích đất bị thu hồi để phục vụ sản xuất nông nghiệp không có văn bản cho phép của UBND xã L; Do đó, được hỗ trợ về công trình bằng 80% mức bồi thường đơn giá đối với công trình xây dựng trước ngày 15/10/1993 và hỗ trợ 10% đối với công trình xây dựng sau ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014 là đúng theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 14 Quyết định 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 và Quyết định số 02/2016/QĐ-UBND ngày 21/01/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Tuy nhiên, ngày 27/6/2016, Ủy ban nhân dân phường L có văn bản số 205/UBND-ĐC đề nghị UBND Quận xem xét bồi thường, hỗ trợ phần công trình trên đất nông nghiệp cho các hộ gia đình với nội dung: *“UBND xã L trước đây (nay là UBND phường L) tạo điều kiện cho các hộ gia đình, cá nhân sản xuất nông nghiệp được xây dựng một số công trình phụ trợ phục vụ sản xuất nông nghiệp không lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai và trật tự xây dựng gồm các công trình: bể phân; giếng khoan; nhà lưới ni lông, khung tre; hàng rào lưới B40; tường rào xây gạch, nhà tạm để dụng cụ sản xuất nông nghiệp và trồng nom tài sản”*. Như vậy, các công trình xây dựng của hộ gia đình **ông Nguyễn Văn M** phục vụ sản xuất nông nghiệp không có văn bản cho phép của UBND phường L song đã được Ủy ban nhân dân phường L tạo điều kiện cho xây dựng mà không xử lý; Do đó, cần xem xét áp dụng khoản 2 Điều 12 Quyết định 23/2014/QĐ-UBND ngày 20/6/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội để được bồi thường về

công trình bằng 100% đơn giá xây dựng. Và tại Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận B về việc giải quyết đơn khiếu nại lần đầu đã quyết định bồi thường về công trình bằng 100% đơn giá xây dựng cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn M.

Như vậy, Hội đồng xét xử xác định diện tích 124,5m<sup>2</sup> đất do hộ gia đình ông Nguyễn Văn M đang sử dụng bị thu hồi để thực hiện dự án Khu công nghệ cao sinh học là đất nông nghiệp không được giao theo Nghị định 64/CP; Do đó, ngày 11/4/2016, UBND quận B ban hành Quyết định số 1325/QĐ-UBND về việc thu hồi 124,5 m<sup>2</sup> đất nông nghiệp và Quyết định số 1396/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ đối với hộ gia đình ông Nguyễn Văn M đã bồi thường 01 lần giá đất nông nghiệp là đúng với quy định tại khoản 2, Điều 77, Luật Đất đai năm 2013, không tính hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp là đúng quy định tại khoản 1, Điều 20, Nghị định 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Chủ tịch UBND quận B đã ban hành Quyết định số 3107/QĐ-UBND ngày 29/7/2016 về việc giải quyết khiếu nại lần đầu và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 6897/QĐ-UBND là ngày 15/12/2016 về giải quyết khiếu nại lần hai đối với ông Nguyễn Văn M là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và nội dung đảm bảo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết, ông Nguyễn Văn M trình bày một số hộ dân ở phường L, phường T bị thu hồi đất để thực hiện dự án có diện tích như gia đình bà bị thu hồi nhưng không được bồi thường, hỗ trợ nghề và tìm kiếm việc làm. Các hộ dân đã khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội và Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đã căn cứ điều 74, điều 75 Luật đất đai 2013 và điểm d khoản 1 điều 19, khoản 1 điều 20 nghị định 47/2014/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định 01/2017/NĐ-CP về sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai xử hủy quyết định và chấp nhận phương án hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp và Bản án đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên các bản án này Tòa án nhân dân cấp cao đã xử Giám đốc thẩm và quyết định hủy toàn bộ các Bản án sơ thẩm nói trên để xét xử lại theo thẩm quyền. Mặt khác, tại thời điểm hộ gia đình ông M bị thu hồi đất là vào năm 2016 khi đó Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 chưa có hiệu lực pháp luật ( có hiệu lực từ ngày 03/3/2017). Tại Điều 5 của Nghị định có quy định về Điều khoản chuyển tiếp như sau: *“Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã phê duyệt và không áp dụng theo quy định của Nghị định này”*. Như vậy, trường hợp của hộ gia đình ông M không được áp dụng các quy định của Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 để được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 5 lần giá đất nông nghiệp.

Do các Quyết định nói trên đều đúng pháp luật và đã đảm bảo quyền lợi cho hộ gia đình ông Nguyễn Văn M nên không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của ông

M về việc buộc Ủy ban nhân dân quận B ra Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho gia đình ông M số tiền **161.496.655 đồng**.

Từ phân tích, nhận định và đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy có không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M. Do vậy, căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính xử bác các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.

**[4] Về án phí:** Yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn M phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính và Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

**[5] Về quyền kháng cáo:** Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 204 và Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính.

Luận cứ và đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ và nhận định của Hội đồng xét xử.

Từ nhận định trên,

Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 1 Điều 3, Điều 30, Điều 32, khoản 1 Điều 158; Khoản 1, Điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194; Điều 204; Điều 206; Khoản 1 Điều 348 Luật Tổ tụng hành chính; Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật Khiếu nại năm 2011; Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khiếu nại; Luật Đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; khoản 1,3 Điều 9; khoản 1, Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Luật Phí và Lệ phí; Nghị quyết 326/2016 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

1/ Bác các yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M.

3/ Về án phí hành chính sơ thẩm, ông Nguyễn Văn M phải chịu 300.000 đồng tiền án phí được trừ vào khoản tiền đã nộp tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm tại Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội (Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0020018 ngày 10/3/2020).

4/ Ông Nguyễn Văn M có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội; Chủ tịch và Ủy ban nhân dân quận B, Ủy ban nhân dân phường L, Hợp tác xã Y, bà Nguyễn Thị D, chị Nguyễn Thị P, chị Nguyễn Thị T, anh Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án .



***Nơi nhận:***

- VKSND thành phố Hà Nội;
- Cục THADS thành phố Hà Nội;
- Các đương sự trong vụ án;
- Lưu hồ sơ/ VPTA.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Hồng Lam**



